

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2026
V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhắc
2. Ông Nguyễn Văn Hết

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Đình Thị Huyền Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 388/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1984. Địa chỉ: **Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long** (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Mỹ P**, sinh năm 1986. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long**. **Chỗ ở hiện nay: Số B Khu phố P, phường P, tỉnh Vĩnh Long** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa ông **Nguyễn Minh C** trình bày:*

Ông **C** và bà **P** tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **M**, tỉnh **Bến Tre** nay là xã **T**, tỉnh **Vĩnh Long**, được cấp giấy chứng nhận ngày 03/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng cha mẹ ruột của ông **C** ở **ấp T, xã T, M, tỉnh Bến Tre** nay là **xã T, tỉnh Vĩnh Long**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, có hai con chung tên là **Nguyễn Thanh L**, sinh ngày 08/02/2013 và **Nguyễn Mỹ L1**, sinh ngày 18/9/2016. Đến khoảng đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được điểm chung trong lối sống, bà P không đồng ý về nhà cha mẹ ruột của ông C ở xã T, tỉnh Vĩnh Long sinh sống để ông C thuận tiện hơn trong việc chăm sóc cha, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai đã cố gắng tạo điều kiện cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên cũng biết sự việc, có khuyên bảo nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C xin ly hôn với bà P. Về con chung: Hai con chung là Nguyễn Thanh L và Nguyễn Mỹ L1 sống cùng bà P từ khi ông C và bà P sống ly thân cho đến nay nên khi ly hôn ông C yêu cầu bà P trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi hai con trưởng thành, ông C chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông C không đồng ý với mức cấp dưỡng mà bà P yêu cầu vì hiện công việc của ông C làm nghề tự do, cụ thể là môi giới bất động sản, có thu nhập không ổn định, thu nhập bình quân hàng tháng chỉ từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, ngoài ra ông không có thu nhập nào khác, hiện ông C còn nuôi dưỡng cha ruột đã 70 tuổi nên không có đủ khả năng cấp dưỡng theo yêu cầu của bà P. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa bà Trần Thị Mỹ P trình bày:

Bà P thống nhất với ông C về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn, về con chung. Đối với yêu cầu ly hôn của ông C thì bà P không đồng ý vì bà P xác định còn thương ông C và muốn các con được sống cùng cha. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng không có mâu thuẫn như lời ông C trình bày, nguyên nhân ông C yêu cầu ly hôn với bà P là do ông C có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà P phát hiện thông qua tin nhắn giữa hai bên trên ứng dụng mạng xã hội. Hiện tại ông C và bà P không còn sống chung nhưng bà P vẫn mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống, để các con có đủ cha mẹ chăm sóc. Bà P sẽ cùng với gia đình hai bên động viên, hòa giải để hai vợ chồng giải quyết mâu thuẫn.

Tại phiên tòa bà P trình bày do ông C kiên quyết ly hôn nên bà P đồng ý ly hôn. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thanh L và Nguyễn Mỹ L1 khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện chi phí nuôi dưỡng cho mỗi người con là khoảng 3.500.000 đồng/tháng nên bà P yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng cho mỗi người con, cho đến khi con đủ 18 tuổi vì theo bà biết thì ông C làm nghề môi giới bất động sản, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng nên ông C hoàn toàn có khả năng cấp dưỡng với mức cấp dưỡng mà bà P yêu cầu. Về tài sản chung thì tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, về nợ chung thì không yêu cầu giải quyết. Do ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi biết sự việc, bà đã khuyên can nhưng ông C không thay đổi dẫn đến bà P buồn rầu làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần và sức khỏe của bà

P nên bà **P** yêu cầu ông **C** bồi thường thiệt hại với số tiền 2.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 7/2025 đến tháng 01/2026 với số tiền tổng cộng là 14.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Minh C**, cụ thể: Về hôn nhân: Ông **Nguyễn Minh C** được ly hôn với bà **Trần Thị Mỹ P**. Về con chung: Bà **Trần Thị Mỹ P** được quyền nuôi hai con chung là **Nguyễn Thanh L**, sinh ngày 08/02/2013 và **Nguyễn Mỹ L1**, sinh ngày 18/9/2016, ông **C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho mỗi người con, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của **P**: Do yêu cầu này được bị đơn trình bày tại phiên tòa, bị đơn chưa nộp đơn yêu cầu cho Tòa án, Tòa án chưa thụ lý đối với yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông **Nguyễn Minh C** đối với bà **Trần Thị Mỹ P** thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Bà **Trần Thị Mỹ P** có nơi cư trú tại **xã T, tỉnh Vĩnh Long**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Ông **Nguyễn Minh C** và bà **Trần Thị Mỹ P** tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long** nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Ông **C** cho rằng hôn nhân giữa ông và bà **P** không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với bà **P**. Theo ông **C** trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên đã sống ly thân, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Bà **P** cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông **C** có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Quá trình giải quyết vụ án, bà **P** không đồng ý ly hôn, bà **P** cho rằng vẫn còn tình cảm với ông **C**, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, ông **C** xác định không còn tình cảm với bà **P1**, cương quyết yêu cầu

được ly hôn với bà P, bà P đồng ý ly hôn với ông C. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông C và bà P là có thật, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà P đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C đối với bà P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Ông C và bà P có hai con chung là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 08/02/2013 và Nguyễn Mỹ L1, sinh ngày 18/9/2016, các con sống cùng bà P từ khi ông C và bà P sống ly thân cho đến nay. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Nguyễn Thanh L và Nguyễn Mỹ L1 có nguyện vọng được sống cùng bà P sau khi ông C và bà P ly hôn; ông C cũng đồng ý để bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh L và Nguyễn Mỹ L1 khi ly hôn; bà P cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, cháu Nguyễn Thanh L và Nguyễn Mỹ L1 cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của bà P. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Nguyễn Thanh L và Nguyễn Mỹ L1 cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, giao hai con chung là Nguyễn Thanh L và Nguyễn Mỹ L1 cho bà P tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng cho mỗi người con, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, ông C trình bày đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi người con, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà P trình bày toàn bộ chi phí nuôi dưỡng mỗi người con hiện khoảng 3.500.000 đồng/tháng; ông C thì trình bày không rõ chi phí nuôi con hàng tháng cụ thể là bao nhiêu nhưng không nhiều hơn 2.500.000 đồng/tháng/người con. Ông C và bà P trình bày thống nhất hiện ông C làm nghề tự do, cụ thể là làm nghề môi giới nhà đất, ngoài ra không có công việc hay thu nhập nào khác; ông C trình bày thu nhập bình quân hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng; bà P thì cho rằng thu nhập hàng tháng của ông C là khoảng 15.000.000 đồng, nhưng bà P không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà P là có căn cứ. Căn cứ khoản 2 điều 7 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi người con là phù hợp.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung; bà P trình tự thỏa thuận về tài sản chung, về nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[2.6] Tại phiên tòa, bà P yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại về tinh thần cho bà P mỗi tháng là 2.000.000 đồng tính từ tháng 7/2025 đến tháng 01/2026 với số tiền tổng cộng là 14.000.000 đồng. Xét thấy: Yêu cầu bồi thường thiệt hại nêu trên được bà P

trình bày tại phiên toà; căn cứ quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn đã không thực hiện việc gửi đơn yêu cầu phản tố cho Toà án thụ lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này của bà P. Nếu bà P và ông C không tự thoả thuận được thì bà P có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Ông C là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông C chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 207, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh C, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh C được ly hôn với bà Trần Thị Mỹ P.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Thanh L, sinh ngày 08/02/2013 và Nguyễn Mỹ L1, sinh ngày 18/9/2016 cho bà Trần Thị Mỹ P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Nguyễn Thanh L và Nguyễn Mỹ L1 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng cho mỗi người con, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng lần đầu tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Mỹ P hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Mỹ P có thể thoả thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Ông **Nguyễn Minh C** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0007361 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long là đủ.

Ông **Nguyễn Minh C** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Vĩnh Long ^(1b) ;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long ^(1b) ;
- THADS tỉnh Vĩnh Long ^(1b) ;
- UBND xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:9b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa